TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 02 - 2024
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 464/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/QĐST – DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các Đ sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1989; địa chỉ: số nhà 144/1 ấp GH, xã G, huyện T, tỉnh B (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn Q: Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1987; địa chỉ: số nhà 144/1 ấp GH, xã G, huyện T, tỉnh B theo văn bản ủy quyền ngày 01 /12/2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp GH, xã G, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn Q và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Ông và ông Trần Văn Đ sinh sống cùng địa phương và cũng có quen biết nhau nên vào tháng 6/2021 ông Đ có thuê ông làm các dịch vụ mắc đường dây điện sinh hoạt cho nhà ông Đ với số tiền là 1.350.000 đồng. Sau khi công việc hoàn thành ông nhiều lần yêu cầu ông Đ trả tiền nhưng ông Đ chỉ hứa hẹn nhưng không thanh toán tiền cho ông.

Về khoản tiền vay: vào ngày 14/12/2022, ông Q có cho ông Trần Văn Đ vay số tiền là 43.000.000 đồng, không tính lãi suất. Ông Đ nói mục đích vay để làm kinh tế gia đình. Hai bên có lập biên nhận cùng ngày do ông Đ viết biên nhận và ký vào bên người mượn tiền. Trong biên nhận không có ghi thời hạn trả, tuy nhiên hai bên có thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày vay mà không ghi vào hợp đồng. Thời hạn vay kết thúc đã lâu, ông Q nhiều lần yêu cầu ông Đ trả tiền nhưng ông Đ cố tình né tránh, không thực hiện. Trước khi ông Q khởi kiện thì ông Q có đến nhà ông Đ nhiều lần để đòi tiền và báo cho bà Nguyễn Thị L là mẹ ông Đ biết về việc ông Q yêu cầu ông Đ trả tiền vay và tiền thuê mắc điện sinh hoạt, bà L cũng có hứa hẹn sẽ nói lại ông Đ lo trả tiền nhưng đến nay vẫn không trả.

Do không có tài liệu chứng cứ, chứng minh việc ông Đ còn nợ ông Q số tiền thuê mắc đường dây điện sinh hoạt nên ông Q xin tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.350.000 đồng.

Nay ông Q yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả số tiền vay 43.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 27/10/2023 (ngày tòa án thụ lý vụ án) cho đến ngày 29/02/2024 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm), tính tròn 04 tháng với mức lãi suất 0.83%/tháng; tiền lãi được tính là: 1.427.600 đồng, tổng cộng: 44.427.600 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn Đ vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Q yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ trả tiền nợ vay và tiền dịch vụ mắc đường dây tải điện nên xác định đây là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dịch vụ" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Văn Đ có nơi cư trú tại xã G, huyện T, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: bị đơn ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[4] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn Q yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ trả số tiền vay 44.427.600 đồng gồm: tiền gốc là 43.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 1.427.600 đồng.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền: Hội đồng xét xử thấy rằng, các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q cung cấp là Biên nhận ngày 14/12/2022, làm căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập thực

hiện hợp đồng vay tài sản. Xét hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay. Đối với bị đơn ông Trần Văn Đ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao biên nhận nợ và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông Đ vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự nên cần buộc ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Văn Q số tiền 44.427.600 đồng là phù hợp.

[6] Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bị đơn trả tiền dịch vụ mắc đường dây diện sinh hoạt với số tiền là 1.350.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật, nên cần đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn này phù hợp.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 91, 92, 147, 217, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470, Điều 513 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Q đối với bị đơn ông Trần Văn Đ về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ thanh toán tiền dịch vụ mắc đường dây điển sinh hoạt với số tiền 1.350.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Q đối với bị đơn ông Trần Văn Đ. Buộc ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Q số tiền 44.427.600 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Văn Đ phải chịu 2.221.380 đồng.

Ông Phạm Văn Q được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.108.750 đồng theo biên lai thu số 0000353 ngày 24/10/2023.

3. Các Đ sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các Đ sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các Đ sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung